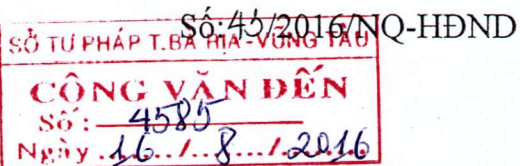


HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 04 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 28/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-KTNS ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu như sau:

1. Mức thu phí:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granite, gabro, đá hoa, bazan)	m ³	70.000
2	Đá Block	m ³	90.000
3	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Tấn	5.000
4	Đá vôi, đá sét làm xi măng và các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan...); khoáng chất công nghiệp (barit, flourit, bentonit và các loại khoáng chất khác)	Tấn	3.000
5	Gờ-ra-nít (granite)	Tấn	30.000
6	Sỏi, cuội, sạn	m ³	6.000
7	Cát:		
a	Cát trắng (cát thủy tinh)	m ³	7.000
b	Cát vàng	m ³	5.000
c	Các loại cát khác	m ³	4.000
8	Sét làm gạch, ngói	m ³	2.000
9	Các loại đất khác	m ³	2.000
10	Than các loại	Tấn	10.000
11	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000
12	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000

2. Tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai:

Trường hợp khoáng sản khai thác phải qua sàng, tuyển, phân loại, làm giàu trước khi bán ra, áp dụng hệ số quy đổi từ khoáng sản thành phẩm ra khoáng sản nguyên khai theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng quy định các hệ số quy đổi khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, để làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản theo quy định tại Khoản 4, Điều 4, Nghị định số 12/2016/NĐ-CP.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Ban CTĐB-UBND;
- Bộ TN&MT, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTr.Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND huyện, TP thuộc tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu: VT, STNMT.KT1.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh